

**CÔNG TY TNHH MTV - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC
DẦU KHÍ VIỆT NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 43



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Thành viên

Ông Hồ Công Kỳ	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015)
Ông Đỗ Chí Thanh	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015)
Ông Nguyễn Xuân Hòa	Thành viên (bổ nhiệm ngày 21 tháng 10 năm 2015)
Ông Vũ Huy Quang	Thành viên (miễn nhiệm ngày 21 tháng 10 năm 2015)
Ông Nguyễn Hữu Quý	Thành viên
Ông Hà Đức Thu	Thành viên
Ông Vũ Huy An	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2015)
Ông Nguyễn Việt Lợi	Thành viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2015)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Xuân Hòa	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 21 tháng 10 năm 2015)
Ông Vũ Huy Quang	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 21 tháng 10 năm 2015)
Ông Trần Đức Chính	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Văn Nghiệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Chung Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Giang	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Xuân Hòa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2016

00 /
TỶ
HỮU
TT
HAI
TP.

Số: 760 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Thành viên
Ban Tổng Giám đốc
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2016, từ trang 5 đến trang 43, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Các vấn đề cần nhấn mạnh

- Như trình bày tại Thuyết minh số 5 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty đã điều chỉnh hồi tố một số số liệu so sánh trên báo cáo tài chính riêng (số liệu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014) theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước nêu tại Báo cáo kiểm toán năm 2014 ký ngày 17 tháng 3 năm 2016.
- Như trình bày tại các Thuyết minh số 14, 21, 22 và 25 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, theo Nghị quyết số 753/NQ-DKVN ngày 05 tháng 02 năm 2016 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (“Tập đoàn”), Tập đoàn đã chấp thuận chuyển giao Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và Sân phân phối 500KV Trung tâm Điện lực Vũng Áng của Tập đoàn cho Tổng Công ty. Theo đó, Tổng Công ty đã hạch toán tăng tài sản, công nợ và nguồn vốn theo giá trị nhận bàn giao từ Tập đoàn, đồng thời xác định lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh tại thời điểm cuối năm do đánh giá lại các khoản vay có gốc ngoại tệ nhận bàn giao và ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015 với số tiền khoảng 1.129 tỷ VND.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0036-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đỗ Trung Kiên
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1924-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	
			31/12/2015	(Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN			8.522.286.293.398	7.848.454.710.367
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	4.358.144.851.866	4.372.587.575.378
1. Tiền	111		168.144.851.866	162.587.575.378
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.190.000.000.000	4.210.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	50.000.000.000	50.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		50.000.000.000	50.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.319.038.451.556	2.966.583.529.955
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	2.497.106.505.774	2.672.790.391.358
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		84.248.571.047	75.983.595.268
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	749.206.175.600	229.001.380.694
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(11.522.800.865)	(11.191.837.365)
IV. Hàng tồn kho	140		682.267.729.231	425.689.809.423
1. Hàng tồn kho	141	11	682.267.729.231	425.689.809.423
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		112.835.260.745	33.593.795.611
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	21.236.732.001	24.480.157.773
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		91.594.528.744	9.109.637.838
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		4.000.000	4.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		41.752.923.072.366	19.081.403.369.458
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		221.050.000	4.000.221.050.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	13	-	4.000.000.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	9	221.050.000	221.050.000
II. Tài sản cố định	220		35.079.790.361.635	8.388.911.915.361
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	35.064.422.369.320	8.369.965.965.983
- Nguyên giá	222		46.976.419.588.725	18.605.565.840.463
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.911.997.219.405)	(10.235.599.874.480)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	15.367.992.315	18.945.949.378
- Nguyên giá	228		31.327.135.476	29.869.078.126
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(15.959.143.161)	(10.923.128.748)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		239.885.376.319	163.187.784.863
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	239.885.376.319	163.187.784.863
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	7	5.671.705.371.907	5.718.138.551.988
1. Đầu tư vào công ty con	251		4.906.023.182.097	4.935.852.701.768
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252		392.311.034.926	392.311.034.926
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		447.309.777.544	470.691.188.324
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(73.938.622.660)	(80.716.373.030)
V. Tài sản dài hạn khác	260		761.320.912.505	810.944.067.246
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	238.317.406.276	311.666.322.602
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	17	523.003.506.229	499.277.744.644
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		50.275.209.365.764	26.929.858.079.825

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
				(Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		28.157.218.636.584	12.920.486.558.813
I. Nợ ngắn hạn	310		10.664.965.676.365	4.637.587.617.748
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	1.339.725.884.881	1.616.580.725.898
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.016.151.306	14.920.089.689
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	72.690.790.568	66.217.731.790
4. Phải trả người lao động	314		121.391.657.451	84.702.087.215
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	484.404.554.489	505.993.415.624
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	4.094.621.273.039	68.658.933.252
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	4.488.066.361.729	1.923.657.760.014
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	23	-	321.552.430.588
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		58.049.002.902	35.304.443.678
II. Nợ dài hạn	330		17.492.252.960.219	8.282.898.941.065
1. Phải trả dài hạn khác	337		18.500.000	18.500.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	16.663.698.853.899	7.758.038.538.123
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	23	766.636.934.278	524.841.902.942
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	24	61.898.672.042	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		22.117.990.729.180	14.009.371.521.012
I. Vốn chủ sở hữu	410	25	22.117.990.729.180	14.009.371.521.012
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		21.774.301.577.676	13.107.329.620.410
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		281.804.378.953	265.785.488.936
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		61.884.772.551	636.256.411.666
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		18.425.485.059	348.792.569.276
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		43.459.287.492	287.463.842.390
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		50.275.209.365.764	26.929.858.079.825

Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Người lập

Hà Thị Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Hòa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY TNHH MTV - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 8, 9, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, Phố Trung Kính, Phường Yên Hòa

Báo cáo tài chính riêng

Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
				(Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	14.601.146.160.873	16.116.982.599.536
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		14.601.146.160.873	16.116.982.599.536
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	11.592.060.854.862	14.577.047.143.515
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		3.009.085.306.011	1.539.935.456.021
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	916.648.679.512	704.674.290.043
7. Chi phí tài chính	22	31	1.915.058.079.055	638.959.548.337
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		335.062.552.245	587.419.520.071
8. Chi phí bán hàng	25		-	48.696.631
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	686.674.287.497	236.864.921.234
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		1.324.001.618.971	1.368.736.579.862
11. Thu nhập khác	31		6.109.616.880	15.461.007.390
12. Chi phí khác	32		3.225.924.061	13.926.404.039
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.883.692.819	1.534.603.351
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.326.885.311.790	1.370.271.183.213
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	362.171.626.037	137.607.529.628
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		964.713.685.753	1.232.663.653.585



Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Người lập

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2016



Hà Thị Minh Nguyệt
Kế toán trưởng




Nguyễn Xuân Hòa
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	
		2015	(Trình bày lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.326.885.311.790	1.370.271.183.213
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.683.657.450.957	1.689.215.221.184
Các khoản dự phòng	03	(73.310.612.382)	342.930.123.949
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.317.294.426.905	78.396.372.396
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(774.859.725.998)	(698.005.367.636)
Chi phí lãi vay	06	335.062.552.245	587.419.520.071
Các khoản điều chỉnh khác	07	61.898.672.042	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	3.876.628.075.559	3.370.227.053.177
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(198.354.630.639)	383.502.835.030
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(64.044.642.097)	62.976.599.424
(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(321.185.948.306)	(226.770.338.249)
Giảm chi phí trả trước	12	76.592.342.098	93.227.960.663
Tiền lãi vay đã trả	14	(348.816.289.251)	(591.956.656.968)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(369.330.691.185)	(105.625.706.321)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	2.042.000.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(14.111.627.807)	(44.529.585.247)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.639.418.588.372	2.941.052.161.509
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(71.121.403.585)	(7.327.217.116)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	342.727.272	5.941.818
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(50.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.000.000.000.000	1.035.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(99.287.452.708)	(300.166.449.247)
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	271.620.837.568	3.772.604.185
7. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	809.295.290.822	609.354.399.552
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	4.910.849.999.369	1.290.639.279.192

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015		2014
				(Trình bày lại)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	42.251.838.436	-	
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(5.923.657.760.013)	(4.897.115.241.810)	
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.683.305.389.676)	(637.778.144.484)	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(7.564.711.311.253)	(5.534.893.386.294)	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(14.442.723.512)	(1.303.201.945.593)	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.372.587.575.378	5.675.789.520.971	
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	4.358.144.851.866	4.372.587.575.378	

Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Người lập

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2016

Hà Thị Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Hòa
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”) là công ty TNHH Một thành viên do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đầu tư 100% vốn điều lệ, được thành lập theo Quyết định số 1468/QĐ-DKVN ngày 17 tháng 5 năm 2007 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV số 0102276173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2007, được thay đổi lần thứ 11 ngày 18 tháng 02 năm 2016.

Chủ sở hữu (Công ty mẹ) của Tổng Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Tập đoàn”).

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.125 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 937).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Sản xuất kinh doanh điện năng; Đầu tư, xây dựng mới các dự án điện độc lập; Đầu tư xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng điện năng, trong đó có cả đầu tư kinh doanh đồng bộ lưới điện trung thế, hạ thế và bán điện công nghiệp, tiêu dùng; Đầu tư, cung cấp các dịch vụ về công nghệ thông tin; Nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ công nghệ mới vào việc đầu tư phát triển các dự án điện, sử dụng năng lượng như: điện sức gió, điện mặt trời, điện nguyên tử; Xuất nhập khẩu, kinh doanh năng lượng, nhiên liệu, thiết bị, vật tư, phụ tùng cho sản xuất kinh doanh điện; Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật, vận hành, đào tạo nguồn nhân lực quản lý vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng phục vụ sản xuất kinh doanh điện; Cung cấp dịch vụ quản lý dự án cho các dự án điện, dịch vụ tư vấn cho các công trình điện; Thực hiện đầu tư, xây lắp, mở rộng phát triển sản xuất kinh doanh điện; Thực hiện các dịch vụ kỹ thuật thương mại trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh điện; Quản lý, xây dựng và vận hành các nhà máy điện; Cung cấp giải pháp giảm phát thải khí nhà kính được chứng nhận (CERs) của các dự án điện năng; Xây dựng, phát triển, quản lý thực hiện các dự án CDM điện năng sạch; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Bán buôn than các loại; Lắp đặt các hệ thống điện tại các công trình xây dựng; Xây dựng các công trình trong ngành điện; Dịch vụ mua sắm các hệ thống điện tại các công trình xây dựng; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Tổng Công ty kinh doanh; Cho thuê phương tiện vận tải, cầu, kéo; Kinh doanh các sản phẩm tro xỉ, phế liệu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty có các dự án đầu tư nhà máy điện đã phát điện thương mại là Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch 1, Nhà máy Điện Cà Mau 1, Nhà máy Điện Cà Mau 2 và Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của Tổng Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng

Theo Biên bản chuyển giao Nhà máy Phong điện đảo Phú Quý từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam ngày 21 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty đã hoàn thành việc bàn giao các tài sản liên quan đến vận hành Nhà máy Phong điện đảo Phú Quý, tỉnh Bình Thuận sang cho Tổng Công ty Điện lực Miền Nam (Công ty con của Tập đoàn Điện lực Việt Nam) quản lý theo phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 145/TTg-KTN ngày 27 tháng 01 năm 2014.

CÔNG TY TNHH MTV - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 8, 9, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, Phố Trung Kính, Phường Yên Hòa

Báo cáo tài chính riêng

Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)****Đặc điểm hoạt động của Tổng Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng (Tiếp theo)**

Theo Nghị quyết số 156/NQ-ĐLĐK-HĐTV ngày 31 tháng 12 năm 2015, Hội đồng Thành viên Tổng Công ty đã thông qua Hợp đồng sáp nhập Công ty TNHH MTV Năng lượng Tái tạo Điện lực Dầu khí Việt Nam ("PVPower RE" - trước đây là Công ty con của Tổng Công ty) vào Tổng Công ty. Theo đó, thời điểm sáp nhập là 00h00 ngày 29 tháng 12 năm 2015. Việc sáp nhập được thực hiện trên nguyên tắc chấm dứt sự tồn tại của PVPower RE và Tổng Công ty được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và nghĩa vụ tài sản khác của PVPower RE.

Theo Nghị quyết số 753/NQ-DKVN ngày 05 tháng 02 năm 2016 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty đã nhận bàn giao Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và Sân phân phối 500KV Trung tâm Điện lực Vũng Áng từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại 24h00 ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty bao gồm:

- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau;
- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch;
- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh;
- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Nhập khẩu và Phân phối than Điện lực Dầu khí.

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

<u>Tên công ty con</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	Nghệ An	84,14%	82,20%	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Đồng Nai	60,00%	60,00%	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakrinh	Quảng Ngãi	94,83%	75,60%	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí	Hà Nội	51,58%	51,58%	Thương mại
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Bắc Kạn	Bắc Kạn	95,54%	95,54%	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hà Nội	51,00%	51,00%	Dịch vụ

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

<u>Tên công ty liên kết</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	Sơn La	30,72%	30,72%	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng	Đà Nẵng	31,91%	31,91%	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng	Yên Bái	44,07%	44,07%	Sản xuất điện

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, việc áp dụng Thông tư 200 không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư, phải thu khách hàng, phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và công nợ tài chính khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con và đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho (Tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2015
	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	7 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Khác	3 - 5

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất lâu dài không phải trích khấu hao. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước chủ yếu bao gồm khoản trả trước tiền bảo hiểm tài sản và vận hành các nhà máy điện và các khoản chi phí trả trước khác.

Khoản trả trước tiền bảo hiểm tài sản và vận hành các nhà máy điện theo hợp đồng bảo hiểm và được phân bổ vào chi phí tương ứng với thời hạn bảo hiểm.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí lãi vay phải trả và một số chi phí trích trước khác chưa chi nhưng được ước tính và ghi nhận vào chi phí trong năm.

Chi phí lãi vay được ghi nhận trên cơ sở gốc vay và lãi suất vay.

Các khoản khác là các chi phí khác đã phát sinh trong năm nhưng chưa nhận được hóa đơn từ nhà cung cấp.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản dự phòng phải trả phản ánh chi phí bảo trì, sửa chữa của Nhà máy Điện Cà Mau 1, Nhà máy Điện Cà Mau 2 và Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 1, được xác định theo hợp đồng, dự toán công tác bảo trì, sửa chữa (hợp đồng O&M) và kế hoạch sửa chữa các nhà máy điện này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng Công ty. Quỹ được hình thành trên cơ sở trích lập từ 3% đến 10% thu nhập tính thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu được ghi nhận khi có biên bản xác nhận lượng điện phát lên lưới điện Quốc gia.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Đối với Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch 1, theo Giấy Chứng nhận đầu tư số 47121000093 ngày 28 tháng 12 năm 2007, Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch 1 (Công ty TNHH MTV Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch) được hưởng ưu đãi thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 20% lợi nhuận thu được trong thời hạn 10 năm kể từ khi dự án bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh và bằng 22% trong những năm tiếp theo. Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch 1 được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm kể từ ngày có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong ba năm tiếp theo. Từ ngày 01 tháng 8 năm 2008, Công ty TNHH MTV Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch được sáp nhập vào Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam và chuyển thành đơn vị hạch toán phụ thuộc. Năm 2014 là năm cuối cùng Tổng Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho dự án Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch 1 nên năm 2015, Tổng Công ty không tính ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp cho dự án này.

Đối với dự án Nhà máy Điện Cà Mau 1 và Nhà máy Điện Cà Mau 2, theo Giấy Chứng nhận đầu tư số 61101000098 ngày 31 tháng 3 năm 2010 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau cấp, thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án này được miễn trong thời gian 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo. Năm 2015 là năm thứ ba Tổng Công ty áp dụng giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho dự án Nhà máy Điện Cà Mau 1 và Nhà máy Điện Cà Mau 2.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG NĂM 2014 ĐÃ ĐƯỢC PHÁT HÀNH

Sau khi phát hành báo cáo tài chính riêng năm 2014 của Công ty ký ngày 25 tháng 3 năm 2015, Tổng Công ty đã nhận được Báo cáo kiểm toán ký ngày 17 tháng 3 năm 2016 của Kiểm toán Nhà nước về báo cáo tài chính năm 2014 của Tổng Công ty. Theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, Tổng Công ty phải điều chỉnh sổ kế toán và báo cáo tài chính năm 2014 theo kết quả kiểm toán. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định báo cáo tài chính riêng năm 2014 đã phát hành trước đây cần được điều chỉnh cho phù hợp với kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước. Ảnh hưởng của các điều chỉnh hồi tố, cụ thể như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chi tiêu	31/12/2014	Điều chỉnh	31/12/2014
	(Trước điều chỉnh)	hồi tố	(Sau điều chỉnh)
	VND	VND	VND
TÀI SẢN			
1. Các khoản phải thu khác	177.484.393.898	50.312.858.486	227.797.252.384
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	-	4.000.000	4.000.000
NGUỒN VỐN			
1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	64.346.646.874	1.871.084.916	66.217.731.790
2. Chi phí phải trả	1.365.360.259.116	(12.972.509.962)	1.352.387.749.154
3. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	25.666.134.779	42.992.798.473	68.658.933.252
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	617.830.926.607	18.425.485.059	636.256.411.666

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chi tiêu	2014	Điều chỉnh	2014
	(Trước điều chỉnh)	hồi tố	(Sau điều chỉnh)
	VND	VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.120.144.272.437	(3.161.672.901)	16.116.982.599.536
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.120.144.272.437	(3.161.672.901)	16.116.982.599.536
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	14.590.019.653.477	(12.972.509.962)	14.577.047.143.515
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.530.124.618.960	9.810.837.061	1.539.935.456.021
5. Doanh thu hoạt động tài chính	693.290.489.465	11.383.800.578	704.674.290.043
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	263.792.495.191	(26.927.573.957)	236.864.921.234
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.320.614.368.266	48.122.211.596	1.368.736.579.862
8. Thu nhập khác	820.878.236	14.640.129.154	15.461.007.390
9. Lợi nhuận khác	(13.105.525.803)	14.640.129.154	1.534.603.351
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.307.508.842.463	62.762.340.750	1.370.271.183.213
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	136.263.472.410	1.344.057.218	137.607.529.628
12. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.171.245.370.053	61.418.283.532	1.232.663.653.585

CÔNG TY TNHH MTV - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 8, 9, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, Phố Trung Kính, Phường Yên Hòa

Báo cáo tài chính riêng

Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**5. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG NĂM 2014 ĐÃ ĐƯỢC PHÁT HÀNH (Tiếp theo)
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Chỉ tiêu	2014	Điều chỉnh	2014
	(Trước điều chỉnh)	hồi tố	(Sau điều chỉnh)
	VND	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	1.307.508.842.463	62.762.340.750	1.370.271.183.213
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	(686.621.567.058)	(11.383.800.578)	(698.005.367.636)
Thay đổi các khoản phải thu	422.435.892.938	(38.933.057.908)	383.502.835.030
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	206.293.022.644	(12.445.482.264)	193.847.540.380

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền mặt	516.194.605	1.042.195.681
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	167.628.657.261	161.545.379.697
Các khoản tương đương tiền (*)	4.190.000.000.000	4.210.000.000.000
	4.358.144.851.866	4.372.587.575.378

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi tại các ngân hàng và tổ chức tín dụng có thời hạn gốc không quá 3 tháng.

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (*)	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số dư đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng có kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 6%/năm.

b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	4.906.023.182.097	21.682.315.162	4.935.852.701.768	19.600.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	392.311.034.926	31.977.524.229	392.311.034.926	31.977.524.229
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	447.309.777.544	20.278.783.269	470.691.188.324	29.138.848.801
	5.745.643.994.567	73.938.622.660	5.798.854.925.018	80.716.373.030

Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

CÔNG TY TNHH MTV - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 8, 9, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, Phố Trung Kính, Phường Yên Hòa

Báo cáo tài chính riêng

Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Tổng Công ty như sau:

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
b1) Đầu tư vào công ty con				
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	1.898.727.600.000	-	1.802.139.600.000	-
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	1.692.234.311.397	-	1.658.648.559.200	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakrink	967.876.000.000	21.682.315.162	967.876.000.000	-
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí	189.249.270.700	-	189.249.270.700	-
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Bắc Kạn	81.436.000.000	-	81.436.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	76.500.000.000	-	76.500.000.000	-
Công ty TNHH MTV Năng lượng Tái tạo Điện lực Dầu khí Việt Nam	-	-	140.403.271.868	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Dự án Điện lực Dầu khí	-	-	19.600.000.000	19.600.000.000
	4.906.023.182.097	21.682.315.162	4.935.852.701.768	19.600.000.000
b2) Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	302.295.301.000	-	302.295.301.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng	57.128.233.926	31.977.524.229	57.128.233.926	31.977.524.229
Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng	32.887.500.000	-	32.887.500.000	-
	392.311.034.926	31.977.524.229	392.311.034.926	31.977.524.229
b3) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	320.049.656.500	-	320.049.656.500	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc	38.037.521.044	-	38.037.521.044	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Tranh 3	29.341.800.000	212.470.868	29.341.800.000	212.470.868
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	28.800.000.000	-	28.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	18.202.000.000	18.185.958.468	18.202.000.000	16.095.141.221
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	10.100.000.000	-	11.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Sơn Trà Sông Đà	1.228.800.000	1.228.800.000	1.228.800.000	1.228.800.000
Công ty Cổ phần Cơ điện Dầu khí	1.000.000.000	101.553.933	1.000.000.000	101.553.933
Công ty Cổ phần Năng lượng Châu Á Thái Bình Dương	550.000.000	550.000.000	550.000.000	47.554.306
Công ty Cổ phần Thủy điện Viwaseen Tây Bắc	-	-	16.984.521.667	8.695.045.154
Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn	-	-	5.496.889.113	2.758.283.319
	447.309.777.544	20.278.783.269	470.691.188.324	29.138.848.801

8. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
Công ty Mua bán Điện	2.337.614.617.366	2.633.430.771.047
Các khách hàng khác	123.722.025	657.363.407
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	134.132.489.555	-
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	25.235.676.828	36.977.196.785
Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	-	1.725.060.119
	2.497.106.505.774	2.672.790.391.358

CÔNG TY TNHH MTV - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 8, 9, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, Phố Trung Kính, Phường Yên Hòa

Báo cáo tài chính riêng

Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***9. PHẢI THU KHÁC**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	(Trình bày lại) VND
a) Ngắn hạn		
Phải thu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (i)	580.151.155.944	-
Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch (ii)	140.978.396.532	50.676.924.858
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	11.799.055.557	15.056.833.333
Công ty Cổ phần Tư vấn Dự án Điện lực Dầu khí	10.243.260.950	10.243.260.950
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	1.842.565.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	1.538.250.578	11.383.800.578
Công ty TNHH MTV Năng lượng Tái tạo Điện lực Dầu khí Việt Nam	-	39.473.759.869
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	-	80.383.075.000
Lãi tiền cho vay dự thu	-	4.880.555.556
Phải thu khác	2.653.491.039	16.903.170.550
	<u>749.206.175.600</u>	<u>229.001.380.694</u>
b) Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	221.050.000	221.050.000
	<u>221.050.000</u>	<u>221.050.000</u>

(i) Phải thu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bao gồm (1) phải thu khoản lợi nhuận năm 2015 đã nộp thừa về Tập đoàn với số tiền là 468.846.478.211 VND và (2) phải thu dịch vụ vận hành Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 được Tập đoàn tạm quyết toán bổ sung với số tiền là 111.304.677.733 VND.

(ii) Phải thu Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch phản ánh khoản phải thu chi phí hoạt động của Ban Chuẩn bị Sản xuất Vũng Áng 1, chi phí đào tạo học viên Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng và giá trị phụ tùng tiếp tục nhận trong năm 2016 theo Nghị quyết số 753/NQ-DKVN ngày 05 tháng 02 năm 2016 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

10. NỢ XẤU

	<u>31/12/2015</u>		<u>31/12/2014</u>	
	Giá gốc	Giá trị có khả năng thu hồi	Giá gốc	Giá trị có khả năng thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Công ty Cổ phần Tư vấn Dự án Điện lực Dầu khí	10.243.260.950	-	10.243.260.950	-
Các đối tượng khác	2.222.430.947	942.891.032	1.333.233.116	384.656.701
	<u>12.465.691.897</u>	<u>942.891.032</u>	<u>11.576.494.066</u>	<u>384.656.701</u>

CÔNG TY TNHH MTV - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 8, 9, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, Phố Trung Kính, Phường Yên Hòa

Báo cáo tài chính riêng

Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***11. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	633.354.848.656	-	402.659.913.535	-
Công cụ, dụng cụ	3.258.266.240	-	2.969.353.910	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	45.654.614.335	-	20.060.541.978	-
	682.267.729.231	-	425.689.809.423	-

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang phản ánh giá trị dịch vụ quản lý tài sản, vận hành và bảo dưỡng, sửa chữa Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 dở dang chờ quyết toán với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam theo Hợp đồng số 6006/HĐ-DKVN ngày 31 tháng 8 năm 2015 (“Hợp đồng 6006”). Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá và khẳng định rằng khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang này là có khả năng thu hồi bằng doanh thu trong tương lai khi Tổng Công ty quyết toán chính thức với Tập đoàn về Hợp đồng 6006.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Bảo hiểm tài sản và vận hành Nhà máy Điện Cà Mau	14.082.652.680	12.158.679.387
Bảo hiểm tài sản và vận hành Nhà máy Điện Nhơn Trạch	5.923.738.809	11.985.587.311
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.230.340.512	335.891.075
	21.236.732.001	24.480.157.773
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa bảo dưỡng hợp đồng O&M (*)	223.945.845.068	276.638.985.086
Tiền thuê đất	12.300.420.500	-
Chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản	-	27.347.328.503
Chi phí thuê văn phòng	-	5.682.367.725
Chi phí trả trước dài hạn khác.	2.071.140.708	1.997.641.288
	238.317.406.276	311.666.322.602

(*) Số tiền thanh toán phí huy động cho nhà thầu nước ngoài và giá trị còn lại của Hợp đồng “Tiểu tu năm 2008” chưa phân bổ vào chi phí sửa chữa bảo dưỡng hợp đồng O&M Nhà máy Điện Cà Mau 1 và Nhà máy Điện Cà Mau 2 với số tiền lần lượt là 201.996.863.299 VND và 21.948.981.769 VND. Phí huy động và Hợp đồng “Tiểu tu năm 2008” này được phân bổ vào chi phí theo giá trị hợp đồng tương ứng với thời gian quy đổi 100.000 EOH.

13. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN

Phải thu về cho vay dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 phản ánh khoản Tổng Công ty cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”) vay theo Hợp đồng nhận nợ số 04.2013/HĐNN-EVN-PVPOWER ngày 30 tháng 12 năm 2013 với số tiền 7.000 tỷ VND trong thời gian 7 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau bình quân của 4 ngân hàng: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại ngày xác định lãi suất. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản vay này đã được EVN thanh toán trước hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2015	3.034.499.598.602	15.326.666.952.292	177.170.700.426	67.136.959.143	91.630.000	18.605.565.840.463
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	5.343.464.685	-	-	-	-	5.343.464.685
Mua sắm mới	1.278.011.097	1.820.480.000	4.297.207.272	3.728.583.935	-	11.124.282.304
Tăng do sáp nhập PVPower RE	-	-	497.259.534	11.825.270	-	509.084.804
Nhận bàn giao từ Tập đoàn (*)	28.347.173.181.335	-	8.927.826.753	-	-	28.356.101.008.088
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.358.777.742)	-	(865.313.877)	-	(2.224.091.619)
Tại ngày 31/12/2015	31.388.294.255.719	15.327.128.654.550	190.892.993.985	70.012.054.471	91.630.000	46.976.419.588.725
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2015	775.916.911.502	9.293.649.936.477	117.003.223.060	48.954.660.193	75.143.248	10.235.599.874.480
Trích khấu hao trong năm	129.116.607.836	1.524.943.184.512	17.363.311.321	7.181.846.123	16.486.752	1.678.621.436.544
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.358.777.742)	-	(865.313.877)	-	(2.224.091.619)
Tại ngày 31/12/2015	905.033.519.338	10.817.234.343.247	134.366.534.381	55.271.192.439	91.630.000	11.911.997.219.405
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2015	30.483.260.736.381	4.509.894.311.303	56.526.459.604	14.740.862.032	-	35.064.422.369.320
Tại ngày 31/12/2014	2.258.582.687.100	6.033.017.015.815	60.167.477.366	18.182.298.950	16.486.752	8.369.965.965.983

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 56.785.509.810 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 43.061.093.473 VND).

(*) Theo Nghị quyết số 753/NQ-DKVN ngày 05 tháng 02 năm 2016 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty nhận bàn giao Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và Sân phân phối 500kV Trung tâm Điện lực Vũng Áng từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại 24h00 ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo giá trị tạm tính là 28.356.101.008.088 VND.



CÔNG TY TNHH MTV - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 8, 9, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, Phố Trung Kính, Phường Yên Hòa
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	5.259.926.019	24.609.152.107	29.869.078.126
Tăng trong năm	-	1.458.057.350	1.458.057.350
Tại ngày 31/12/2015	5.259.926.019	26.067.209.457	31.327.135.476
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	-	10.923.128.748	10.923.128.748
Trích khấu hao trong năm	-	5.036.014.413	5.036.014.413
Tại ngày 31/12/2015	-	15.959.143.161	15.959.143.161
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2015	5.259.926.019	10.108.066.296	15.367.992.315
Tại ngày 31/12/2014	5.259.926.019	13.686.023.359	18.945.949.378

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.238.922.350 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.184.202.350 VND).

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2015	2014
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	163.187.784.863	163.846.729.876
Phát sinh trong năm	84.031.452.248	4.303.270.403
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(5.343.464.685)	(2.079.215.416)
Kết chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(2.883.000.000)
Ghi nhận vào chi phí	(1.990.396.107)	-
Tại ngày 31 tháng 12	239.885.376.319	163.187.784.863

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Dự án Nhà máy Thủy điện Luang Prabang (i)	128.975.526.822	128.975.526.822
Công trình Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch 1	78.159.556.657	1.307.246.091
Dự án Tiêu khu 2	25.609.491.717	25.609.491.717
Dự án Phong điện Hòa Thắng	5.338.923.964	5.202.560.328
Các công trình khác	1.801.877.159	2.092.959.905
	239.885.376.319	163.187.784.863

(i) Dự án Nhà máy Thủy điện Luang Prabang đang trong quá trình xây dựng và hiện đang tạm dừng. Theo chỉ đạo của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại Công văn số 4913/DKVN-ĐTPT ngày 21 tháng 7 năm 2014 về việc kế hoạch triển khai thực hiện dự án Thủy điện Luang Prabang giai đoạn 2014 - 2015, Tổng Công ty đã hoàn thiện lại kế hoạch triển khai dự án này trong giai đoạn 2014 - 2015 và gửi kèm theo Công văn số 1850/ĐLDK-ĐTPT ngày 21 tháng 8 năm 2014 đến Bộ Năng lượng - Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào để xin gia hạn MOU giữa Việt Nam và Lào nhằm tiếp tục thực hiện dự án. Chính phủ Lào đã có văn bản thông báo đồng ý gia hạn Biên bản ghi nhớ dự án Thủy điện Luang Prabang với thời hạn 24 tháng (đến ngày 26 tháng 12 năm 2016). Tổng Công ty đang chờ báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt để tiếp tục triển khai dự án.

CÔNG TY TNHH MTV - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 8, 9, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, Phố Trung Kính, Phường Yên Hòa

Báo cáo tài chính riêng

Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***17. THIẾT BỊ VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THỂ DÀI HẠN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số dư thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn phản ánh giá trị vật tư dự phòng sửa chữa theo yêu cầu kỹ thuật tại Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 1, Nhà máy Điện Cà Mau 1 và Nhà máy Điện Cà Mau 2.

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		31/12/2014	
	VND Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	VND Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH Xuân Thiên	23.656.711.320	23.656.711.320	-	-
Các đối tượng khác	46.745.028.384	46.745.028.384	36.887.558.405	36.887.558.405
b) Phải trả người bán là các bên liên quan <i>(được trình bày tại Thuyết minh số 37)</i>	1.269.324.145.177	1.269.324.145.177	1.579.693.167.493	1.579.693.167.493
	1.339.725.884.881	1.339.725.884.881	1.616.580.725.898	1.616.580.725.898

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2015
	(Trình bày lại)			
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	3.089.695.706	591.637.562.646	580.787.172.035	13.940.086.317
Thuế thu nhập doanh nghiệp	58.048.962.718	362.171.626.037	369.330.691.185	50.889.897.570
Thuế thu nhập cá nhân	3.350.657.535	23.075.391.588	21.083.545.343	5.342.503.780
Các loại thuế khác	1.728.415.831	24.787.993.333	23.998.106.263	2.518.302.901
	66.217.731.790	1.001.672.573.604	995.199.514.826	72.690.790.568

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015	31/12/2014
	(Trình bày lại)	(Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí tiền khí phải trả (i)	382.915.672.743	458.193.881.010
Chi phí lãi vay phải trả	14.810.304.218	28.564.041.224
Tiền điện, nước vận hành nhà máy (ii)	34.523.584.060	-
Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa (ii)	39.544.710.520	-
Chi phí phải trả khác	12.610.282.948	19.235.493.390
	484.404.554.489	505.993.415.624

- (i) Phản ánh chi phí trích trước tiền khí tháng 11 và tháng 12 hàng năm của Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch 1 mua của Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần nhưng chưa nhận được hóa đơn.
- (ii) Phản ánh khoản trích trước chi phí điện nước, bảo dưỡng, sửa chữa phục vụ vận hành Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng nhưng chưa nhận được hóa đơn của nhà cung cấp.

CÔNG TY TNHH MTV - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 8, 9, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, Phố Trung Kính, Phường Yên Hòa

Báo cáo tài chính riêng

Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014 (Trình bày lại)
	VND	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (*)	4.080.418.016.059	42.992.798.473
Các khoản tài trợ, quỹ ủng hộ	1.013.424.355	8.047.201.737
Phải trả ngắn hạn khác	13.189.832.625	17.618.933.042
	4.094.621.273.039	68.658.933.252

(*) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 phản ánh khoản phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam do Tổng Công ty nhận bàn giao Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và Sân phân phối 500 kV Trung tâm Điện lực Vũng Áng theo Nghị quyết số 753/NQ-DKVN ngày 05 tháng 02 năm 2016 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và khoản phải nộp lợi nhuận năm 2014 về Tập đoàn theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	31/12/2014		Phát sinh trong năm		31/12/2015	
	Số có khả năng		Tăng	Giảm	Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ			Giá trị	trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	9.681.696.298.137	9.681.696.298.137	17.393.726.677.504	5.923.657.760.013	21.151.765.215.628	21.151.765.215.628
	9.681.696.298.137	9.681.696.298.137	17.393.726.677.504	5.923.657.760.013	21.151.765.215.628	21.151.765.215.628

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Các khoản vay tài trợ cho Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng nhận bàn giao từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (i)	17.163.397.138.609	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (ii)	2.449.583.204.120	2.916.040.584.857
Ngân hàng Calyon (iii)	1.063.568.750.000	1.528.670.000.000
Ngân hàng ANZ (iv)	432.964.284.463	1.236.985.713.280
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (v)	42.251.838.436	-
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	-	4.000.000.000.000
	21.151.765.215.628	9.681.696.298.137

(i) Theo Nghị quyết số 753/NQ-DKVN ngày 05 tháng 02 năm 2016 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (“Tập đoàn”), Tập đoàn chấp thuận bàn giao tài sản Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và Sân phân phối 500kV Trung tâm Điện lực Vũng Áng cho Tổng Công ty. Theo đó, Tập đoàn chuyển cho Tổng Công ty các hợp đồng vay có gốc USD tài trợ cho Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng còn phải trả đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 764.516.576,33 USD, tương đương 16.034.180.412.163 VND. Tổng Công ty đã xác định lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh tại thời điểm cuối năm do đánh giá lại các khoản vay có gốc ngoại tệ này với số tiền là 1.129.216.726.446 VND và ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm 2015. Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tập đoàn đang làm các thủ tục ủy quyền cho Tổng Công ty thực hiện các nghĩa vụ trong các hợp đồng vay nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(ii) Tổng Công ty được Tập đoàn ủy quyền chịu trách nhiệm về hợp đồng tín dụng dài hạn với số tiền 270.000.000 USD, ký giữa Tập đoàn và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, trong đó Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam là ngân hàng đầu mối. Khoản vay này để phục vụ cho dự án Nhà máy Điện Cà Mau 1. Khoản vay chịu lãi suất SIBOR 6 tháng cộng 1,7% và được trả 6 tháng/lần. Toàn bộ gốc vay sẽ được trả làm 20 lần bằng nhau, 6 tháng một lần. Khoản vay được đảm bảo bằng bảo lãnh không hủy ngang của Bộ Tài chính cho 100% giá trị khoản vay (bao gồm nợ gốc, nợ lãi).

(iii) Vay dài hạn từ Ngân hàng Calyon bao gồm 2 hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng xuất khẩu giữa Tập đoàn với Ngân hàng Calyon, Ngân hàng KfW và Ngân hàng Fortis, trong đó Ngân hàng Calyon là ngân hàng đầu mối. Theo hợp đồng này, Tập đoàn được phép rút tối đa 100.000.000 USD để trả cho 85% giá trị hàng hóa, dịch vụ từ Đức của hợp đồng EPC. Khoản vay này chịu lãi suất 4,14%/năm, được thanh toán cùng với gốc vay trong 16 lần, 6 tháng một lần kể từ ngày 26 tháng 6 năm 2009. Ngoài ra, Tập đoàn còn phải trả phí cam kết 0,08%/năm trên số gốc vay không sử dụng, phí quản lý 97.500 USD, phí bảo đảm 0,25%/năm trên số dư nợ giảm dần.
- Hợp đồng bổ sung cho hợp đồng trên đã được ký kết. Theo đó, Tập đoàn được phép rút tối đa 116.500.000 USD để trả cho 15% giá trị hàng hóa, dịch vụ từ Đức, 100% giá trị hàng hóa, dịch vụ từ nước ngoài trừ nước Đức và 100% giá trị hàng hóa, dịch vụ từ Việt Nam và các chi phí khác liên quan đến Nhà máy Điện Cà Mau 2. Khoản vay chịu lãi suất 5,9%/năm và phí bảo đảm 0,25%/năm trên số dư nợ giảm dần, thanh toán làm 20 lần, 6 tháng một lần trong vòng 10 năm kể từ ngày 26 tháng 6 năm 2009.

Tập đoàn đã ủy quyền cho Tổng Công ty chịu trách nhiệm toàn bộ về hai khoản vay trên để thực hiện dự án Nhà máy Điện Cà Mau 2.

(iv) Tổng Công ty được Tập đoàn ủy quyền để chịu trách nhiệm về hợp đồng vay dài hạn với số tiền 270.000.000 USD, ký giữa Tập đoàn và các ngân hàng cấp tín dụng ban đầu là Ngân hàng BNP Paribas - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Tập đoàn TNHH Ngân hàng Australia và New Zealand - Chi nhánh Hà Nội, Ngân hàng Natixis - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam, trong đó Tập đoàn TNHH Ngân hàng Australia và New Zealand có vai trò là ngân hàng đầu mối. Khoản vay này sẽ được trả làm 14 lần, bắt đầu từ ngày 29 tháng 9 năm 2009 đến ngày 29 tháng 3 năm 2016. Khoản vay chịu lãi suất LIBOR 6 tháng cộng 1,25% và được trả 6 tháng một lần. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(v) Thể hiện khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội để tài trợ cho dự án nâng công suất Nhà máy Điện Nhơn Trạch 1. Hạn mức vay 76.200.000.000 VND. Thời hạn vay 9 năm kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên, thời gian ân hạn 1 năm. Lãi suất năm đầu cố định là 7%/năm, năm thứ 2 cố định là 7,5%, từ năm thứ 3 trở đi lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng tại SHB cộng biên độ 1,5%. Lãi vay trả 6 tháng/lần trùng với thời gian trả gốc. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY TNHH MTV - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 8, 9, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, Phố Trung Kính, Phường Yên Hòa

Báo cáo tài chính riêng

Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các khoản vay được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	4.488.066.361.729	1.923.657.760.014
Trong năm thứ hai	3.776.962.473.685	2.008.414.187.209
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	9.584.133.319.001	3.583.208.116.972
Sau năm năm	3.302.603.061.213	2.166.416.233.942
	21.151.765.215.628	9.681.696.298.137
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	4.488.066.361.729	1.923.657.760.014
<i>(được trình bày ở phần vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn)</i>		
Số phải trả sau 12 tháng	16.663.698.853.899	7.758.038.538.123

23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	846.394.333.530	425.776.454.901
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	942.054.726.326	1.249.732.133.647
Hoàn nhập dự phòng	(270.872.861.526)	(48.348.611.833)
Các khoản dự phòng đã sử dụng	(750.939.264.052)	(780.765.643.185)
Tại ngày 31 tháng 12	766.636.934.278	846.394.333.530
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
<i>Chi tiết:</i>		
Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	321.552.430.588
Dự phòng phải trả dài hạn	766.636.934.278	524.841.902.942
	766.636.934.278	846.394.333.530

Dự phòng phải trả phản ánh chi phí bảo trì, sửa chữa được Tổng Công ty trích trước cho Nhà máy Điện Cà Mau 1, Nhà máy Điện Cà Mau 2 và Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch 1.

- Chi phí bảo trì, sửa chữa của Nhà máy Điện Cà Mau 1 và Nhà máy Điện Cà Mau 2 được xác định theo Hợp đồng về “Công tác bảo trì, sửa chữa Nhà máy Điện Cà Mau 1 và Nhà máy Điện Cà Mau 2 trong giai đoạn 100.000 giờ hoạt động quy đổi (EOH) đầu tiên” giữa Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam. Mức phí bảo trì và sửa chữa quy định trong Hợp đồng sửa đổi số 1 là tổng của 319.985.061,19 EUR và 623.696.667.758 VND (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng), được Tổng Công ty phân bổ trong thời gian quy đổi ước tính từ 100.000 EOH.

- Chi phí bảo trì, sửa chữa của Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch 1 được trích trước căn cứ vào Hợp đồng về việc bảo trì, sửa chữa Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch 1 trong giai đoạn 108.000 EOH. Mức phí bảo trì và sửa chữa quy định trong hợp đồng là tổng của 164.126.359 EUR và 891.892.343.648 VND, được Tổng Công ty phân bổ trong thời gian quy đổi ước tính từ 108.000 EOH.

21. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Hội đồng Thành viên Tổng Công ty phê duyệt Tờ trình số 196/TTr-ĐLDK-TCKT&KT ngày 20 tháng 01 năm 2016 của Tổng Giám đốc về việc Tổng Công ty trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ từ thu nhập tính thuế năm 2015 với tỷ lệ bằng 3% của thu nhập tính thuế. Theo đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty đã trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ với số tiền là 61.898.672.042 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	13.107.329.620.410	77.056.674.767	348.792.569.276	13.533.178.864.453
Lợi nhuận trong năm	-	-	1.232.663.653.585	1.232.663.653.585
Tạm trích quỹ đầu tư phát triển	-	188.728.814.169	(188.728.814.169)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng viên chức quản lý	-	-	(74.116.000.000)	(74.116.000.000)
Nộp lợi nhuận năm 2013 về Tập đoàn	-	-	(304.856.515.207)	(304.856.515.207)
Tạm nộp lợi nhuận năm 2014 về Tập đoàn	-	-	(332.921.629.277)	(332.921.629.277)
Tạm nộp lợi nhuận năm 2014 bổ sung về Tập đoàn theo kiến nghị của KTNN	-	-	(42.992.798.473)	(42.992.798.473)
Giảm khác	-	-	(1.584.054.069)	(1.584.054.069)
Số dư tại ngày 01/01/2015 (Trình bày lại)	13.107.329.620.410	265.785.488.936	636.256.411.666	14.009.371.521.012
Lợi nhuận trong năm	-	-	964.713.685.753	964.713.685.753
Tăng vốn do nhận bàn giao tài sản (i)	8.666.971.957.266	-	-	8.666.971.957.266
Nộp bổ sung lợi nhuận năm 2014 về Tập đoàn (ii)	-	-	(627.276.207.682)	(627.276.207.682)
Điều chỉnh quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2014 (iii)	-	(27.726.572.575)	27.726.572.575	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng viên chức quản lý từ lợi nhuận năm 2014 (iii)	-	-	(19.154.500.000)	(19.154.500.000)
Tạm trích quỹ đầu tư phát triển (iv)	-	276.376.319.478	(276.376.319.478)	-
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng viên chức quản lý (iv)	-	-	(57.695.375.000)	(57.695.375.000)
Tạm nộp lợi nhuận năm 2015 về Tập đoàn (v)	-	-	(1.056.029.181.994)	(1.056.029.181.994)
Sử dụng quỹ đầu tư phát triển để thanh toán hộ khoản vay của PVPower RE (vi)	-	(232.630.856.886)	-	(232.630.856.886)
Lợi nhuận nộp thừa về Tập đoàn	-	-	469.719.686.711	469.719.686.711
Số dư tại ngày 31/12/2015	21.774.301.577.676	281.804.378.953	61.884.772.551	22.117.990.729.180

CÔNG TY TNHH MTV - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 8, 9, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, Phố Trung Kính, Phường Yên Hòa

Báo cáo tài chính riêng

Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

- (i) Theo Nghị quyết số 753/NQ-DKVN ngày 05 tháng 02 năm 2016 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (“Tập đoàn”), Tập đoàn chấp thuận bàn giao tài sản Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và Sân phân phối 500kV Trung tâm Điện lực Vũng Áng cho Tổng Công ty, trong đó Tập đoàn tăng vốn điều lệ cho Tổng Công ty là 8.666.971.957.266 VND. Đến ngày báo cáo này, Tập đoàn và Tổng Công ty đang hoàn thiện các thủ tục tăng vốn điều lệ cho Tổng Công ty.
- (ii) Theo Quyết định số 4978/QĐ-DKVN ngày 22 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn về việc thông qua báo cáo tài chính và phương án phân phối lợi nhuận năm 2014 của Tổng Công ty, Tổng Công ty phải nộp lợi nhuận về Tập đoàn là 960.197.836.959 VND. Năm 2014, Tổng Công ty đã tạm nộp lợi nhuận năm 2014 về Tập đoàn là 332.921.629.777 VND nên trong năm 2015, Tổng Công ty nộp về Tập đoàn số tiền còn lại là 627.276.207.682 VND.
- (iii) Theo Quyết định số 6642/QĐ-DKVN ngày 24 tháng 9 năm 2015 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn về việc điều chỉnh Quyết định số 4978/QĐ-DKVN ngày 22 tháng 7 năm 2015 về phương án phân phối lợi nhuận năm 2014 của Tổng Công ty:
- Tổng Công ty được trích quỹ đầu tư phát triển là 161.002.241.594 VND. Năm 2014, Tổng Công ty đã tạm trích là 188.728.814.169 VND nên trong năm 2015, Tổng Công ty điều chỉnh giảm quỹ đầu tư phát triển là 27.726.572.575 VND.
 - Tổng Công ty được trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng viên chức quản lý với tổng số tiền là 50.918.500.000 VND. Năm 2014, Tổng Công ty đã tạm trích là 31.764.000.000 VND nên trong năm 2015, Tổng Công ty trích bổ sung là 19.154.500.000 VND.
- (iv) Theo Nghị quyết số 30/NQ-ĐLTK-HĐTV ngày 17 tháng 3 năm 2016 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty về việc thông qua phương án tạm phân phối lợi nhuận năm 2015 (lần 2) của Tổng Công ty, Tổng Công ty tạm trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng viên chức quản lý với số tiền tương ứng là 276.376.319.478 VND, 56.772.750.000 VND và 922.625.000 VND.
- (v) Theo Nghị quyết số 93/NQ-ĐLTK-HĐTV ngày 29 tháng 7 năm 2015 về việc thông qua phương án tạm nộp lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2015 của Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty tạm nộp lợi nhuận về Tập đoàn với số tiền là 1.056.029.181.994 VND.
- (vi) Theo Công văn số 8917/BTC-TCĐN ngày 01 tháng 07 năm 2015 về phương án chuyển giao Nhà máy Phong điện đảo Phú quý từ Tập đoàn sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Bộ Tài chính chấp thuận cho Tổng Công ty sử dụng Quỹ đầu tư phát triển để thanh toán khoản nợ vay của PVPower RE nhằm giải chấp tài sản phục vụ công tác bàn giao. Do đó, Tổng Công ty đã sử dụng Quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 232.630.856.886 VND.

26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	5.894,01	16.002,65
Đồng Euro (EUR)	735,00	735,00

CÔNG TY TNHH MTV - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 8, 9, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, Phố Trung Kính, Phường Yên Hòa

Báo cáo tài chính riêng

Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***27. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2015	2014
	VND	(Trình bày lại)
		VND
Doanh thu bán điện (i)	14.134.988.629.106	16.078.693.087.733
Doanh thu bán than	-	7.842.017.288
Doanh thu cung cấp dịch vụ (ii)	466.157.531.767	30.447.494.515
	14.601.146.160.873	16.116.982.599.536
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu với bên liên quan	636.717.786.781	281.268.572.168
<i>(trình bày ở Thuyết minh số 37)</i>		

(i) Doanh thu bán điện trong năm 2015 bao gồm số tiền 1.044.781.499.355 VND là phần chênh lệch giữa tiền điện theo đơn giá mới và tiền điện Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) đã thanh toán cho Tổng Công ty trong giai đoạn từ ngày 30 tháng 6 năm 2008 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ trong năm 2015 của Tổng Công ty bao gồm doanh thu dịch vụ quản lý tài sản, vận hành và bảo dưỡng, sửa chữa Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 theo Hợp đồng số 6006/HĐ-DKVN ngày 31 tháng 8 năm 2015 được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam quyết toán nhưng chưa xuất hóa đơn với số tiền là 111.304.677.733 VND.

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2015	2014
	VND	(Trình bày lại)
		VND
Giá vốn bán điện	11.189.813.780.167	14.548.229.665.552
Giá vốn bán than	-	7.706.112.120
Giá vốn cung cấp dịch vụ	402.247.074.695	21.111.365.843
	11.592.060.854.862	14.577.047.143.515

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015	2014
	VND	(Trình bày lại)
		VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.674.478.492.118	11.371.710.885.286
Chi phí nhân công	388.400.595.954	236.652.491.745
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.683.657.450.957	1.689.215.221.184
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.279.833.522.378	1.437.854.327.589
Chi phí khác bằng tiền	277.959.153.309	63.291.323.365
	12.304.329.214.716	14.798.724.249.169

CÔNG TY TNHH MTV - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 8, 9, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, Phố Trung Kính, Phường Yên Hòa

Báo cáo tài chính riêng

Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2015	2014
	VND	(Trình bày lại)
		VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	208.595.554.714	241.703.973.832
Lãi tiền cho vay (*)	168.802.083.332	360.403.472.223
Cổ tức, lợi nhuận được chia	455.776.800.000	102.319.375.578
Lãi từ hoạt động chuyển nhượng vốn	83.472.667.197	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.574.269	2.604.410
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	244.864.000
	916.648.679.512	704.674.290.043

(*) Lãi tiền cho vay phản ánh lãi từ khoản Tổng Công ty cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay theo Hợp đồng nhận nợ số 04.2013/HĐNN-EVN-PVPOWER ngày 30 tháng 12 năm 2013.

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	335.062.552.245	587.419.520.071
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện (i)	1.317.294.426.905	78.396.372.396
Lỗ chênh lệch tỷ giá giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản	27.347.328.507	27.347.328.504
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	67.741.366.088	11.726.457.114
Lỗ từ sáp nhập PVPower RE (ii)	141.787.379.245	-
Phí bảo lãnh khoản vay	3.673.483.042	4.854.034.844
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	21.725.720.410	(77.261.287.681)
Lỗ từ thanh lý khoản đầu tư vào công ty con	-	6.427.395.815
Chi phí tài chính khác	425.822.613	49.727.274
	1.915.058.079.055	638.959.548.337

(i) Bao gồm số tiền 1.129.216.726.446 VND là lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản vay gốc ngoại tệ nhận bàn giao từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (như trình bày tại Thuyết minh số 22).

(ii) Phản ánh khoản lỗ do sáp nhập PVPower RE vào Tổng Công ty theo Hợp đồng sáp nhập số 153/ĐLĐK-HĐSN ngày 31 tháng 12 năm 2015.

32. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015	2014
	VND	(Trình bày lại)
		VND
Chi phí nhân công	206.238.664.716	113.362.957.025
Chi phí khấu hao	11.332.241.050	12.923.676.170
Chi phí vật liệu quản lý	17.858.033.617	6.034.126.231
Chi phí dịch vụ mua ngoài	205.416.548.953	30.823.998.928
Chi phí quản lý khác	245.828.799.161	73.720.162.880
	686.674.287.497	236.864.921.234

CÔNG TY TNHH MTV - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 8, 9, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, Phố Trung Kính, Phường Yên Hòa

Báo cáo tài chính riêng

Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2015	2014
	VND	(Trình bày lại)
		VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	362.171.626.037	137.607.529.628
	362.171.626.037	137.607.529.628

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	2015	2014
	VND	(Trình bày lại)
		VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.326.885.311.790	1.370.271.183.213
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>(455.776.800.000)</i>	<i>(113.797.831.831)</i>
<i>Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm doanh thu tính thuế</i>	<i>(9.970.734.982)</i>	<i>-</i>
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>1.140.252.619.227</i>	<i>16.580.354.856</i>
<i>Cộng: Các khoản điều chỉnh doanh thu tính thuế</i>	<i>-</i>	<i>14.920.089.689</i>
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.001.390.396.035	1.287.973.795.927
Thu nhập được giảm 50%	423.405.035.214	1.305.798.910.600
Thu nhập chịu thuế suất thông thường	1.577.985.360.821	(17.825.114.673)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	362.171.626.037	137.607.529.628

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

34. TÀI SẢN VÀ CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Ngày 18 tháng 8 năm 2011, Tổng Công ty đã gửi Công văn số 2605/ĐLDK-TM đến Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) đề nghị EVN xem xét, có ý kiến thống nhất với Tổng Công ty về việc điều chỉnh cước phí vận chuyển Phú Mỹ - Nhơn Trạch của hợp đồng mua bán khí cho Nhà máy Điện Nhơn Trạch 1 từ đơn giá tạm tính là 0,15 USD/triệu BTU lên 0,46 USD/triệu BTU. Đơn giá đề nghị điều chỉnh này áp dụng từ ngày 21 tháng 5 năm 2008 là thời điểm Nhà máy Điện Nhơn Trạch 1 bắt đầu nhận khí. Ngày 29 tháng 12 năm 2011, EVN có Công văn số 4867/EVN-TCKT-KTSX gửi Bộ Công thương về việc EVN không có đủ cơ sở thống nhất về mức phí vận chuyển trên với Tập đoàn Dầu khí (PVN) do PVN chưa cung cấp đủ tài liệu và các dữ liệu tính toán. Ngày 29 tháng 02 năm 2012, Bộ Công thương có Công văn số 1458/BCT-ĐTDL yêu cầu hai bên tiếp tục đàm phán cước phí vận chuyển Phú Mỹ - Nhơn Trạch.

Ngày 08 tháng 12 năm 2015, Bộ Công thương đã có Công văn số 12577/BCT-TCNL đồng ý về phương án tăng giá phí vận chuyển và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Ngày 17 tháng 12 năm 2015, Thủ tướng Chính phủ đã gửi công văn chuyển Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước và Tập đoàn Điện lực Việt Nam có ý kiến về vấn đề này. Tổng Công ty chưa đủ thông tin tin cậy để lượng hóa được ảnh hưởng của sự kiện này đến báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc xác định tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 Tổng Công ty có khoản tài sản tiềm tàng (có thể phải thu EVN) và công nợ tiềm tàng (có thể phải trả nhà cung cấp vận chuyển khí) từ sự kiện nêu trên.

CÔNG TY TNHH MTV - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 8, 9, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, Phố Trung Kính, Phường Yên Hòa
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh 22 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	21.151.765.215.628	9.681.696.298.137
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	<u>(4.358.144.851.866)</u>	<u>(4.372.587.575.378)</u>
Nợ thuần	16.793.620.363.762	5.309.108.722.759
Vốn chủ sở hữu	<u>22.117.990.729.180</u>	<u>14.009.371.521.012</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,76</u>	<u>0,38</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.358.144.851.866	4.372.587.575.378
Các khoản đầu tư	477.030.994.275	491.552.339.523
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.763.033.022.917	6.877.484.978.101
Tài sản tài chính khác	221.050.000	221.050.000
Tổng cộng	<u>7.598.429.919.058</u>	<u>11.741.845.943.002</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	21.151.765.215.628	9.681.696.298.137
Phải trả người bán và phải trả khác	5.423.678.619.303	1.624.627.927.635
Chi phí phải trả	484.404.554.489	505.993.415.624
Công nợ tài chính khác	766.636.934.278	846.394.333.530
Tổng cộng	<u>27.826.485.323.698</u>	<u>12.658.711.974.926</u>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	21.151.765.215.628	5.681.696.298.135	132.320.525	342.136.657
Euro (EUR)	-	-	17.921.968	18.773.370

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/(giảm) 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ (giảm)/tăng các khoản tương ứng như sau:

	2015	2014
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	(2.115.163.289.510)	(568.135.416.148)

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

CÔNG TY TNHH MTV - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 8, 9, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, Phố Trung Kính, Phường Yên Hòa

Báo cáo tài chính riêng

Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Rủi ro thị trường (Tiếp theo)******Độ nhạy của lãi suất***

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ (giảm)/tăng 423.035.304.313 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 193.633.925.963 VND).

	<u>Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản</u>	<u>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</u>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015		
VND	+200	(423.035.304.313)
VND	-200	423.035.304.313
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		
VND	+200	(193.633.925.963)
VND	-200	193.633.925.963

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung lớn từ khoản phải thu tiền điện Công ty Mua bán Điện. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu Công ty Mua bán Điện như trình bày tại Thuyết minh số 8.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY TNHH MTV - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 8, 9, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, Phố Trung Kính, Phường Yên Hòa

Báo cáo tài chính riêng

Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)***

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.358.144.851.866	-	-	4.358.144.851.866
Các khoản đầu tư	50.000.000.000	427.030.994.275	-	477.030.994.275
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.763.033.022.917	-	-	2.763.033.022.917
Tài sản tài chính khác	-	221.050.000	-	221.050.000
Tổng cộng	7.171.177.874.783	427.252.044.275	-	7.598.429.919.058
Các khoản vay	4.488.066.361.729	13.361.095.792.686	3.302.603.061.213	21.151.765.215.628
Phải trả người bán và phải trả khác	5.423.660.119.303	18.500.000	-	5.423.678.619.303
Chi phí phải trả	484.404.554.489	-	-	484.404.554.489
Công nợ tài chính khác	-	766.636.934.278	-	766.636.934.278
Tổng cộng	10.396.131.035.521	14.127.751.226.964	3.302.603.061.213	27.826.485.323.698
Chênh lệch thanh khoản thuần	(3.224.953.160.738)	(13.700.499.182.689)	(3.302.603.061.213)	(20.228.055.404.640)
31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.372.587.575.378	-	-	4.372.587.575.378
Các khoản đầu tư	50.000.000.000	441.552.339.523	-	491.552.339.523
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.877.484.978.101	4.000.000.000.000	-	6.877.484.978.101
Tài sản tài chính khác	-	221.050.000	-	221.050.000
Tổng cộng	7.300.072.553.479	4.441.773.389.523	-	11.741.845.943.002
Các khoản vay	1.923.657.760.014	5.591.622.304.181	2.166.416.233.942	9.681.696.298.137
Phải trả người bán và phải trả khác	1.624.627.927.635	-	-	1.624.627.927.635
Chi phí phải trả	505.993.415.624	-	-	505.993.415.624
Công nợ tài chính khác	321.552.430.588	524.841.902.942	-	846.394.333.530
Tổng cộng	4.375.831.533.861	6.116.464.207.123	2.166.416.233.942	12.658.711.974.926
Chênh lệch thanh khoản thuần	2.924.241.019.618	(1.674.690.817.600)	(2.166.416.233.942)	(916.866.031.924)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá Tổng Công ty có rủi ro thanh khoản, tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo Nghị quyết số 753/NQ-DKVN ngày 05 tháng 02 năm 2016 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn chấp thuận giao tài sản Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và Sân phân phối 500kV Trung tâm Điện lực Vũng Áng của Tập đoàn cho Tổng Công ty với nguyên giá là 28.739.450.795.515 VND bao gồm: (1) giá trị tài sản cố định là 28.356.101.008.088 VND (xem Thuyết minh số 14), (2) giá trị vật tư phụ tùng là 216.259.039.296 VND, (3) phải thu Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch về giá trị phụ tùng tiếp tục nhập năm 2016 là 97.090.748.131 VND, và (4) giá trị tiền ứng trước mua nước cho Công ty Hoàn Sơn là 70.000.000.000 VND. Nguồn vốn hình thành tài sản bao gồm: (1) vốn vay ngân hàng nước ngoài là 16.034.180.412.163 VND (xem Thuyết minh số 22), (2) tăng vốn điều lệ là 8.666.971.957.266 VND (xem Thuyết minh số 25) và (3) Tổng Công ty phải trả Tập đoàn là 4.038.298.426.086 VND. Chính vì vậy, các chỉ tiêu “Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác”, “Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu” và “Tăng/giảm các khoản phải trả” đã được điều chỉnh tương ứng trên các khoản mục “Tăng/giảm các khoản phải trả” và “Tăng/giảm hàng tồn kho”.

CÔNG TY TNHH MTV - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 8, 9, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, Phố Trung Kính, Phường Yên Hòa
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN*****Danh sách các bên liên quan:***

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăckdrinh	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	Công ty con
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí	Công ty con
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	Cùng Tập đoàn
Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	Cùng Tập đoàn
Ban quản lý Dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL-LUBE	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí Miền Nam	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	Cùng Tập đoàn
Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần PVI	Cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần	Cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Cùng Tập đoàn
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	Cùng Tập đoàn
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	Cùng Tập đoàn
Viện Dầu khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2015	2014
	VND	VND
Nhận góp vốn bằng tài sản		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	8.666.971.957.266	-
Bán hàng	636.717.786.781	281.268.572.168
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	454.928.758.914	9.876.363.636
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	170.560.255.014	244.910.013.007
Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	8.680.386.452	15.320.715.117
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăckdrinh	1.052.499.444	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	764.124.539	410.869.786
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	731.762.418	1.872.730.556
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	-	7.842.017.288
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	-	1.035.862.778

CÔNG TY TNHH MTV - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 8, 9, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, Phố Trung Kính, Phường Yên Hòa

Báo cáo tài chính riêng

Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)***Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (Tiếp theo):*

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Mua hàng		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	5.453.224.184.067	8.146.930.651.583
Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ	2.517.551.798.575	2.385.291.539.337
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	853.402.052.302	705.698.193.091
Công ty Cổ phần PVI	360.159.112.839	70.587.586.563
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	140.904.665.214	-
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí	22.358.172.339	-
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	15.251.266.780	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	11.125.745.671	10.551.585.508
Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí	8.335.890.332	4.605.549.960
Viện Dầu khí Việt Nam	5.407.512.220	10.024.560.000
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	4.389.385.413	-
Lãi tiền gửi		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	17.556.082.263	54.468.354.202
Chi phí lãi vay		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	168.802.083.332	362.591.805.556
Cổ tức nhận được		
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	455.116.800.000	80.383.075.000
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí Miền Nam	660.000.000	990.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	-	11.383.800.578
Nộp lợi nhuận trong năm		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.683.305.389.676	637.778.144.484
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	4.507.000.000	4.657.883.189

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tiền gửi ngắn hạn		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	21.769.222	665.348.236.072
Phải thu khách hàng		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	134.132.489.555	-
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	25.235.676.828	36.977.196.785
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	-	1.725.060.119

CÔNG TY TNHH MTV - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 8, 9, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, Phố Trung Kính, Phường Yên Hòa

Báo cáo tài chính riêng

Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)***Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán: (Tiếp theo)*

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Phải thu khác		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	580.151.155.944	-
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	140.978.396.532	50.676.924.858
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	1.842.565.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	1.538.250.578	11.383.800.578
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	-	80.383.075.000
Phải trả người bán	1.269.324.145.177	1.579.693.167.493
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	839.446.443.842	1.368.868.259.251
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	334.860.776.851	167.994.651.635
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL-LUBE	46.534.700.943	-
Công ty Cổ phần PVI	28.824.195.167	11.264.426.562
Công ty Cổ phần Máy Thiết bị Dầu khí	5.328.370.982	-
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	4.885.205.312	-
Viện Dầu khí Việt Nam	4.335.330.862	-
Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí	2.851.149.236	3.797.176.515
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	1.839.595.910	380.747.319
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	418.376.072	994.005.314
Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ	-	25.287.796.364
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	-	1.004.155.219
Công ty Cổ phần Tư vấn Dự án Điện lực Dầu khí	-	101.949.314
Người mua trả tiền trước		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	6.016.151.306	14.920.089.689
Phải trả khác		
Công ty Cổ phần PVI	7.524.000.000	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	4.080.418.016.059	42.992.798.473
Vay		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	-	4.000.000.000.000

38. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Theo Quyết định số 1759/QĐ-DKVN ngày 28 tháng 7 năm 2015, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (“Tập đoàn”) đã quyết định về việc thực hiện cổ phần hóa Tổng Công ty với thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là ngày 31 tháng 12 năm 2015. Đến ngày báo cáo này, Tổng Công ty đang làm các thủ tục để xác định giá trị doanh nghiệp cũng như các thủ tục về cổ phần hóa theo kế hoạch đã được Tập đoàn phê duyệt.

Theo Nghị quyết số 2677/NQ-DKVN ngày 09 tháng 11 năm 2015, Hội đồng Thành viên Tập đoàn đã quyết định dừng triển khai Nghị quyết số 5050/NQ-DKVN ngày 26 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn về việc chuyển giao cho Tổng Công ty làm chủ đầu tư Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1, tỉnh Hậu Giang.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

39. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của báo cáo tài chính riêng năm trước đã được điều chỉnh hồi tố theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước nêu tại Báo cáo kiểm toán ký ngày 17 tháng 3 năm 2016 về báo cáo tài chính năm 2014 của Tổng Công ty như trình bày tại Thuyết minh số 5. Một số số liệu sau khi điều chỉnh hồi tố được phân loại lại theo Thông tư 200 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

Đơn vị: VND

Theo TT 200/2014/TT-BTC			Theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC			Thay đổi
Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014	Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014 (Sau điều chỉnh)	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
A. TÀI SẢN			A. TÀI SẢN			
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	50.000.000.000	1. Đầu tư ngắn hạn	121	50.000.000.000	Đổi tên
2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	2.672.790.391.358	2. Phải thu khách hàng	131	2.672.790.391.358	Đổi tên
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	229.001.380.694	3. Các khoản phải thu khác	135	227.797.252.384	Phân loại lại và đổi tên
4. Hàng tồn kho	141	425.689.809.423	4. Hàng tồn kho	141	924.967.554.067	Phân loại lại
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	-	5. Tài sản ngắn hạn khác	158	1.204.128.310	Phân loại lại
6. Phải thu về cho vay dài hạn	215	4.000.000.000.000	<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>			Phân loại lại và đổi tên
7. Phải thu dài hạn khác	216	221.050.000	6. Tài sản dài hạn khác	268	221.050.000	Phân loại lại
8. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	470.691.188.324	7. Đầu tư dài hạn khác	258	4.470.691.188.324	Phân loại lại và đổi tên
9. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	499.277.744.644	<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>			Phân loại lại và đổi tên
B. NGUỒN VỐN			B. NGUỒN VỐN			
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	1.616.580.725.898	1. Phải trả người bán	312	1.616.580.725.898	Đổi tên
2. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	505.993.415.624	2. Chi phí phải trả	316	1.352.387.749.154	Phân loại lại
3. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	321.552.430.588	3. Dự phòng phải trả ngắn hạn	319	-	Phân loại lại
4. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	35.304.443.678	4. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	34.000.805.867	Phân loại lại
5. Dự phòng phải trả dài hạn	342	524.841.902.942	5. Dự phòng phải trả dài hạn	329	-	Phân loại lại
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	1.303.637.811	Phân loại lại

CÔNG TY TNHH MTV - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 8, 9 Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, Phố Trung Kính, Phường Yên Hòa
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***39. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)**

Đơn vị: VND

Theo TT 200/2014/TT-BTC			Theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC			Thay đổi
Tên chỉ tiêu	Mã số	2014	Tên chỉ tiêu	Mã số	2014	
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ			BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ			
1. Các khoản dự phòng	03	342.930.123.949	1. Các khoản dự phòng	03	(77.687.754.680)	Phân loại lại
2. Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(226.770.338.249)	2. Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	193.847.540.380	Phân loại lại

Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Người lập

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2016

Hà Thị Minh Nguyệt
Kế toán trưởng**Nguyễn Xuân Hòa**
Tổng Giám đốc